

## BÀI. HAI ĐỨA TRẺ - THẠCH LAM

### I. Tìm hiểu chung

#### 1. Tác giả

Thạch Lam (1910-1942) tên thật là Nguyễn Tường Vinh (sau đổi là Nguyễn Tường Lân). Nhà văn, nổi tiếng về truyện ngắn. Viết xúc động về người nghèo, những em bé nhà nghèo. Văn nhẹ nhàng, tinh tế với tấm lòng xót thương, nhân hậu. Chất thơ man mác trong văn xuôi.

Tác phẩm - Các tập truyện ngắn: Gió đầu mùa (1977), Nắng trong vườn (1938), Sợi tóc (1942), Tập tùy bút Hà Nội 36 phố phường...

#### 2. Xuất xứ, chủ đề

- Truyện ngắn “Hai đứa trẻ” rút trong tập “Nắng trong vườn” (1938)
- Tác phẩm nói lên lòng xót thương đối với những kỷ niệm và ước mơ bình dị, cảm động của những em bé nơi phố huyện nghèo ngày xưa.

### II. Phân tích

#### 1. Phố huyện nghèo và những người nghèo

- Phố huyện là một thị trấn nhỏ và nghèo. Xung quanh là cánh đồng và xóm làng. Gần bờ sông. Có đường sắt chạy qua, có một ga tàu. Chiều hè tiếng ếch nhái râm ran. Đêm xuống, phố vắng, tối im lìm. Rất ít đèn.
- Chợ chiều vắng. Chỉ có vài đứa bé lang thang đi lại nhặt nhạnh thanh nứa, thanh tre... bóng chấp chờn.
- Chị Tí mò cua bắt tép, tối đến dọn hàng nước dưới gốc bàng; dọn hàng từ chấp tối cho đến đêm “chả kiếm được bao nhiêu?”. Thằng cu bé con chị Tí - xách đèn đóm và khiêng 2 cái ghế trên lưng ở trong ngõ đi ra trông thật tội nghiệp.
- Bà cụ Thi hơi điên, cười khanh khách, ngửa cổ ra đằng sau, uống một hơi cạn sạch cút rượu, lão đảo lặn vào bóng tối.
- Vợ chồng bác xẩm “tiếng đàn bầu bần bật”, thằng con bò ra đất...
- Bác phở Siêu gánh hàng đi trong đêm, tiếng đòn gánh kêu kịt, bóng bác mờ mang,... Phở của bác là món quà xa xỉ mà chị em Liên không bao giờ mua được.
- Phố tối, đường ra sông tối, cái ngõ vào làng lại sẫm đen hơn. Một vài ngọn đèn leo lét... Ngọn đèn con của chị Tí, bếp lửa của bác Siêu chiếu sáng một vùng đất cát, ngọn đèn của Liên từng hột sáng lọt qua phen nứa...

Tóm lại, phố nghèo, yên tĩnh và đầy bóng tối. Con người phố huyện âm thầm, lạnh lẽo. “Chừng ấy người trong bóng tối mong đợi một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hàng ngày của họ? Cách viết nhẹ nhàng, đầy xót thương, thấm một nỗi buồn thấm thía. Đó là tình cảm nhân đạo của Thạch Lam.

#### 2. Chị em Liên

- Gia cảnh sa sút nghèo. Cha mất việc. Cả nhà bỏ Hà Nội về quê. Mẹ làm hàng sáo. Chị em Liên được mẹ cho trông coi một cửa hàng tạp hóa nhỏ xíu, phen nứa dán giấy nhật trình.
- An ngây thơ. Liên cảm thấy cô đã lớn, đảm đang, kiêu hãnh vì cái dây xà tích bạc ở thắt lưng “vì nó tỏ ra chỉ là người con gái lớn và đảm đang”.
- Gian hàng tối âm thầm, đầy muỗi. Đêm nào hai chị em Liên và An cũng ngồi dưới gốc bàng, trên cái chõng tre để đợi chuyến tàu đêm. Để bán hàng theo lời mẹ dặn. Còn là một niềm vui nhỏ nhoi.
- An trước lúc ngủ còn dặn chị đánh thức khi tàu đến. Đợi tàu là đợi ánh sáng. Con tàu từ Hà Nội về mang theo. Con tàu gợi nhớ kỷ niệm tuổi thơ: ngày bố còn đi làm, mẹ nhiều tiền được hưởng những thức quà ngon lạ, được đi chơi bờ hồ, uống những cốc nước lạnh xanh đỏ.
- Đợi tàu là đợi những mơ tưởng. Với Liên, trong ký ức và hiện tại “Hà Nội xa xăm. Hà Nội sáng rực vui vẻ và huyên náo. Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua”. Thế giới ấy khác hẳn đối với cuộc đời của Liên, của dân nghèo phố huyện, khác hẳn vàng sáng ngọn đèn chị Tí và ánh lửa của bác Siêu.

- Giác ngủ của Liên, lúc đầu mờ dần đi “giữa bao nhiêu sự xa xôi không biết...” về sau “mặt chị nặng dần”, chìm dần vào “ngập vào giấc ngủ yên tĩnh,... tĩnh mịch và đầy bóng tối”.

Tóm lại, ngòi bút của Thạch Lam tả ít mà gợi nhiều, nhỏ nhẹ, làm xúc động người đọc trước những số phận, những cảnh đời vui ít buồn nhiều, âm thầm, lặng lẽ và đầy bóng tối. Có mơ ước nhỏ nhoi, bình dị trước một cái gì vừa thuộc về quá vãng, vừa hướng tới tương lai.

### III. Kết luận

Truyện “Hai đứa trẻ” vừa hiện thực vừa mang màu sắc lãng mạn. Cảnh đời tẻ nhạt xúc động. Một ngòi bút tinh tế tạo ra những trang văn xuôi nhẹ nhàng đầy chất thơ. Một trái tim đầy tình người. Văn Thạch Lam cho ta nhiều nhã thú, đúng như nhà văn Nguyễn Tuân đã nói.

## BÀI GIẢNG - CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ - NGUYỄN TUÂN

### I. Tìm hiểu chung

#### 1. Tác giả

- Nguyễn Tuân: 1910 - 1987 - Người Hà Nội.
- Sinh ra trong một gia đình nhà nho.
- Ông là một nghệ sĩ tài hoa, uyên bác, phong cách nghệ thuật độc đáo: Luôn tiếp cận cuộc sống từ góc độ tài hoa uyên bác ở phương diện văn hoá, nghệ thuật.
- Ngòi bút phóng túng và có ý thức sâu sắc về cái tôi cá nhân.
- Sở trường là tùy bút.

#### 2. Những tác phẩm chính: SGK

#### 3. Truyện ngắn: *Chữ người tử tù*

Lúc đầu có tên là: *Dòng chữ cuối cùng*, in 1938 trên tạp chí *Tao đàn*, sau đó đổi tên thành: *Chữ người tử tù* và được in trong tập truyện: *Vang bóng một thời*. Là “một văn phẩm đạt tới sự toàn thiện, toàn mĩ” (Vũ Ngọc Phan)

### II. Đọc hiểu văn bản

#### 1. Giá trị nội dung

##### a. *Tình huống truyện*

Cuộc gặp gỡ khác thường của hai con người khác thường:

- + Viên quản ngục- kẻ đại diện cho quyền lực tăm tối nhưng lại khao khát ánh sáng và chữ nghĩa.
- + Huân Cao – người tử tù có tài viết chữ đẹp, chống lại triều đình phong kiến.  
→ Cuộc hội ngộ diễn ra giữa chốn ngục tù căng thẳng, kịch tính, có ý nghĩa đối đầu giữa cái đẹp cái thiện lương >< quyền lực tội ác. → cái đẹp, cái thiện lương đã thắng thế.

##### b. *Nhân vật Quản ngục*

- Kẻ say mê chơi chữ đến kỳ lạ.
- Kiên trì nhẫn nại, công phu, quyết xin chữ cho bằng được.
- Suốt đời chỉ có một ao ước: *Có được chữ Huân Cao mà treo trong nhà ...*
- Có sở thích cao quý đến coi thường cả tính mạng sống của mình:
  - + Muốn chơi chữ Huân Cao.
  - + Dám nhờ Thơ lại xin chữ.
  - + Đối đãi đặc biệt với tử tù.

=> Đó là cuộc chạy đua nguy hiểm, nếu lộ chuyện quản ngục chắc chắn không giữ được mạng sống.

- Lần đầu: Bí mật sai thầy Thơ dâng rượu thịt đều đều.
- Lần hai: Nhẹ nhàng, khiêm tốn nhưng bị Huân Cao miệt thị, xua đuổi, mà vẫn ôn tồn, nhã nhặn.

=> Muốn xin chữ của Huân Cao.



- Chọn nhầm nghề. Giữa bọn người tàn nhẫn, lừa lọc, thì hẳn lại có *tính cách dịu dàng...biết trọng người ngay*.
- Một tâm hồn nghệ sĩ tài hoa đã lạc vào chốn nhơ bẩn. Tuy làm nghề thất đức nhưng có một tâm hồn.

=> Trong xã hội phong kiến suy tàn, chốn quan trường đầy rẫy bất lương vô đạo, Quản ngục đúng là một con người *Vang bóng*

- *Một tấm lòng trong thiên hạ....một âm thanh trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luận đều hỗn loạn xô bồ.*

=> Biết phục khí tiết, biết quý trọng người tài và yêu quý cái đẹp - một tấm lòng *Biệt nhỡn liên tài*.

### c. Nhân vật Huấn Cao

- Kẻ cầm đầu cuộc đại nghịch chống triều đình bị bắt giam với án tử hình đang chờ ngày ra pháp trường.
- Phẩm chất:
  - + Tài hoa, nghệ sĩ: *Có tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp... Có được chữ Huấn Cao mà treo là có một vật báu trên đời...Thế ra y vẫn võ đều có tài cả.*
  - + Nhân cách trong sáng, trọng nghĩa khinh lợi, có tài có tâm, coi khinh tiền bạc và quyền thế. Huấn Cao không chỉ là một nghệ sĩ tài hoa, mà còn là hiện thân của cái tâm kẻ sĩ. Có tấm lòng *biệt nhỡn liên tài*, một *thiên lương* cao cả.
  - + Khí phách hiên ngang: Coi thường cái chết, Mặc dù đang chờ ngày ra chặt đầu, vẫn nguyên vẹn tư thế ung dung, đàng hoàng, không biết cúi đầu trước quyền lực và đồng tiền. *Ta nhất sinh không vì tiền bạc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối ...đời ta mới viết... cho ba người bạn thân..*

=> Nhân vật được giới thiệu gián tiếp. Mới *Văn kỳ thanh bất kiến kỳ hình* mà Quản ngục đã tâm phục Huấn Cao - đó là cách miêu tả lấy xa nói gần, lấy bóng lộ hình.

- Hiểu tấm lòng và sở thích cao quý của thầy Quản, ông vô cùng xúc động và ân hận: *Thiếu chút nữa ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ.*
- Hình tượng Huấn Cao tròn vẹn và hoàn hảo bởi một cảm hứng lãng mạn, một bút pháp lý tưởng hoá của Nguyễn Tuân. Một cốt cách: *Nhất sinh đệ thủ bách hoa mai.*

### \* Cảnh Huấn Cao cho chữ viên Quản ngục

- Tình huống oái oăm, cuộc kỳ ngộ đầy kịch tính giữa tên người viết chữ đẹp và người chơi chữ. Họ gặp nhau trong hoàn cảnh trớ trêu: Nhà ngục.
- Xét trên bình diện xã hội: Họ là kẻ thù của nhau. Xét trên bình diện nghệ thuật: Họ là tri âm tri kỷ.
- Lúc nửa đêm, trong nhà tù, vài canh giờ cuối cùng trước lúc ra pháp trường.
- Trong không gian chật hẹp, ẩm ướt, tối tăm, bẩn thỉu, khói bốc nghi ngút, dưới ánh sáng của ngọn đuốc tấm đầu là hình ảnh 3 cái đầu chụm lại. Một người tù cổ mang gông chân vướng xiềng đang tô đậm những nét chữ trên vuông lụa trắng tinh, cạnh viên quản ngục khúm núm, thầy thơ lại run run.
- Đó là một cảnh tượng xưa nay chưa từng có:
  - + Bởi việc cho chữ diễn ra trong nhà ngục bẩn thỉu, tối tăm, chật hẹp.
  - + Bởi người nghệ sĩ sáng tạo trong lúc cổ mang gông, chân vướng xiềng...
  - + Bởi người tử tù lại ở trong tư thế bề trên, uy nghi, lồng lộng. Còn kẻ quyền uy lại khúm núm run run, kính cẩn, vái lạy.

=> Tác giả dựng lên thật đẹp nhóm tượng đài thiên lương với bút pháp tài năng bậc thầy về ngôn ngữ.

=> Trong chốn ngục tù ấy cái đẹp, cái thiện, cái cao cả đã chiến thắng và toả sáng. Đây là việc làm của kẻ tri âm dành cho người tri kỷ, của một tấm lòng đền đáp một tấm lòng. Cái tâm đang điều khiển cái tài, cái tâm cái tài đang hoà vào nhau để sáng tạo cái đẹp.

### \* Tư tưởng tác phẩm

Dù thực tại có tối tăm tàn bạo đến đâu cũng không thể tiêu diệt được cái đẹp. Cái đẹp bất khả chiến bại. Niềm tin mãnh liệt thuộc về chủ nghĩa nhân văn sáng giá của nghệ thuật Nguyễn Tuân, đó là một lối sống, một nhân cách, một mẫu người.

## 2. Nghệ thuật

- Tạo tình huống truyện độc đáo, đặc sắc
- Sử dụng thành công thủ pháp đối lập tương phản.
- Xây dựng thành công nhân vật Huấn Cao – người hội tụ nhiều vẻ đẹp.
- Ngôn ngữ góc cạnh, giàu hình ảnh, có tính tạo hình, vừa cổ kính vừa hiện đại.

## 3. Ý nghĩa văn bản

"Chữ người tử tù" khẳng định và tôn vinh sự chiến thắng của ánh sáng đối với cái đẹp, cái thiện và nhân cách cao cả của con người đồng thời bộc lộ lòng yêu nước thầm kín của nhà văn.

## III. Tổng kết

Ghi nhớ: SGK.

# BÀI GIẢNG - CHÍ PHÈO - NAM CAO

## Phần 1: Tác Gia Nam Cao

### I. Vài nét về tiểu sử và con người

- Tên thật Trần Hữu Tri: (1915 - 1951)
- Quê làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. *Quê hương nghèo đói, đồng nhiều chiêm chũng, người dân phải tha phương cầu thực khắp nơi*
- Xuất thân trong một gia đình nghèo khó, cuộc sống hiện thực tàn nhẫn, là người con duy nhất trong gia đình được ăn học tử tế.
- Bản thân là một trí thức nghèo, luôn túng thiếu.

#### \* Trước cách mạng:

- Học hết bậc thành chung, đi làm ở nhiều nơi: Sài Gòn, Hà Nội. Cuối cùng thất nghiệp, sống bằng nghề viết văn và làm gia sư.
- 1943 tham gia Hội Văn hóa cứu quốc.

#### \* Sau cách mạng tháng Tám:

- Vừa viết văn vừa tham gia cách mạng.
- 1946: tham gia đoàn quân Nam tiến.
- 1950: tham gia chiến dịch Biên Giới.
- 1951: hi sinh trên con đường đi công tác.

## II. Sự nghiệp văn học

### 1. Quan điểm nghệ thuật

#### a. Trước cách mạng tháng Tám

- Nghệ thuật phải bám sát vào cuộc đời, gắn bó với đời sống nhân dân lao động.
- Nhà văn phải có đôi mắt của tình thương, tác phẩm văn chương hay, có giá trị phải chứa đựng nội dung nhân đạo sâu sắc.
- Văn chương nghệ thuật là lĩnh vực đòi hỏi phải khám phá, tìm tòi, sáng tạo.
- Lao động nghệ thuật là một hoạt động nghiêm túc, công phu; người cầm bút phải có lương tâm.

#### b. Sau cách mạng

Ông nêu cao lập trường, quan điểm của nhà văn: Nhà văn phải có con mắt nhìn đời, nhìn người - đặc biệt là người nông dân kháng chiến - một cách đúng đắn.



=> Nam Cao xứng đáng là một nhà văn hiện thực sâu sắc, có quan điểm nghệ thuật tiến bộ, mới mẻ so với nhiều nhà văn đương thời.

## 2. Các đề tài chính

### a. Trước cách mạng

- Trước cách mạng tập trung hai đề tài chính

\* **Người tri thức nghèo:** Nhà văn miêu tả tấn bi kịch tinh thần của những người tri thức nghèo trong xã hội cũ.

- Những tác phẩm tiêu biểu: *Sống mòn*, *Đời thừa*, *Những chuyện không muốn viết*, *Giăng sáng*, *Quên điều độ*, *Nước mắt*...
- Nội dung:
  - + Tấn bi kịch tinh thần của những người tri thức tài năng, có hoài bão và nhân phẩm, nhưng lại bị gánh nặng của cơm áo, gạo tiền đè bẹp, phải *sống mòn* như một kẻ vô ích, một *đời thừa*...
  - + Cuộc đấu tranh kiên trì của những người tri thức nghèo trước sự cám dỗ của lối sống ích kỷ, để thực hiện lí tưởng sống, vươn tới một cuộc sống cao đẹp.
  - + Diễn tả hết sức chân thực tình cảnh nghèo khổ, dờ sống, dờ chết của những nhà văn nghèo. Ông đi sâu vào những bi kịch tâm hồn họ để từ đó tố cáo xã hội chà đạp lên ước mơ con người.
- Giá trị: phê phán xã hội phi nhân đạo đã tàn phá tâm hồn con người. Qua đó nhà văn thể hiện niềm khao khát cuộc sống có ích, thật sự có ý nghĩa.

\* **Người nông dân nghèo:**

- Những tác phẩm tiêu biểu: *Chí Phèo*, *Một bữa no*, *Tư cách mõ*, *Làng rận*, *Lão Hạc*, *Dì Hảo*, *Nửa đêm*, *Mua danh*, *Trẻ con không biết ăn thịt chó*...
- Nội dung:
  - + Bức tranh chân thực về nông thôn Việt Nam trước cách mạng tháng Tám: Nghèo đói, xơ xác, bần cùng.
  - + Kết án đang thép xã hội bất công tàn bạo đã khiến cho một bộ phận nông dân nghèo đói bần cùng, lưu manh hóa. Quan tâm đến số phận hẩm hiu, bị ức hiếp, bị xô đẩy vào con đường cùng của tội lỗi. Ông lên tiếng bênh vực quyền sống, và nhân phẩm của họ (*Chí Phèo*, *Làng rận*, *Lão Hạc*, *Dì Hảo*...)
  - + Chỉ ra những thói hư tật xấu của người nông dân, một phần do môi trường sống, một phần do chính họ gây ra (*Trẻ con không biết ăn thịt chó*, *Rửa hờn*...)
  - + Phát hiện và khẳng định được nhân phẩm và bản chất lương thiện của người nông dân, cho dù bị xã hội vùi dập, bị cướp đi cả nhân hình lẫn nhân tính. (*Chí Phèo*)

=> Dù ở đề tài nào ông luôn day dứt đớn đau trước tình trạng con người bị vùi dập về nhân phẩm, bị huỷ diệt về nhân tính.

### b. Sau cách mạng

- Sau cách mạng, Nam Cao là cây bút tiêu biểu của văn học giai đoạn kháng chiến chống Pháp. (*Nhật kí ở rừng*, *Đôi mắt*, tập kí sự *Chuyện biên giới*...).
- Ông tham gia kháng chiến, tự nguyện làm anh tuyên truyền vô danh cho cách mạng. Các tác phẩm của ông thể hiện tình yêu nước và cách nhìn cuộc sống của giới văn nghệ sĩ với nhân dân và cuộc kháng chiến của dân tộc. Tác phẩm của ông luôn luôn là kim chỉ nam cho các văn nghệ sĩ cùng thời.

## 3. Phong cách nghệ thuật

Là nhà văn có phong cách nghệ thuật độc đáo:

- + Đặc biệt quan tâm đến đời sống tinh thần của con người.
- + Biệt tài phát hiện, miêu tả, phân tích tâm lí nhân vật.
- + Rất thành công trong ngôn ngữ đối thoại và độc thoại nội tâm.
- + Kết cấu truyện thường theo mạch tâm lí linh hoạt, nhất quán và chặt chẽ.
- + Cốt truyện đơn giản, đời thường nhưng lại đặt ra vấn đề quan trọng sâu xa, có ý nghĩa triết lí về cuộc sống và con người xã hội.



=> Ngôi bút của ông lạnh lùng, tinh táo, nặng trĩu ưu tư và đầm thắm yêu thương. Nam Cao được đánh giá là nhà văn hàng đầu trong nền Văn học Việt Nam thế kỷ XX.

### III. Tổng kết

Ghi nhớ SGK.

## BÀI GIẢNG - HẠNH PHÚC CỦA MỘT TANG GIA - VŨ TRỌNG PHỤNG

(Trích - Số đỏ)

### I. Tìm hiểu chung

#### 1. Tác giả

- Vũ Trọng Phụng (1912 - 1939)
- Là nhà văn hiện thực xuất sắc trước cách mạng tháng Tám.
- Ông nổi tiếng về tiểu thuyết. Truyện ngắn và đặc biệt thành công ở thể phóng sự.
- Để lại nhiều kiệt tác như: Số đỏ; giông tố; vỡ đê; cơm thầy cơm cô,...

#### 2. Giới thiệu tiểu thuyết **Số đỏ**

- Được coi là tác phẩm xuất sắc nhất của văn học Việt Nam, có thể "làm vinh dự cho mọi nền văn học" (Nguyễn Khải)
- Đăng báo Hà Nội từ số 40 ngày 7/10/1936, in thành sách năm 1938
- Tóm tắt nội dung.

#### 3. Đoạn trích

- Thuộc chương 15 của tiểu thuyết **Số đỏ**.
- Nhan đề: Do nhà biên soạn sách đặt.

### II. Đọc hiểu văn bản

#### 1. Nội dung

##### a. Ý nghĩa nhan đề

Nhan đề chứa đựng mâu thuẫn trào phúng hàm chứa tiếng cười chua chát, kích thích trí tò mò của người đọc:

- Nhà có tang mà lại vui vẻ, sung sướng, hạnh phúc

→ Hạnh phúc của một gia đình vô phúc, niềm vui của lũ con cháu đại bất hiếu.

- Phản ánh một sự thật mỉa mai, hài hước và tàn nhẫn: Con cháu của đại gia đình này thật sung sướng khi cụ cố tổ chết

→ Tình huống trào phúng chủ yếu của toàn bộ chương truyện.

##### b. Những niềm vui khác nhau của các thành viên trong gia đình và ngoài gia đình khi cụ cố Tổ mất

\* **Niềm vui chung cho cả gia đình:** "cụ cố tổ chết cái chúc thư kia sẽ đi vào thời kì thực hành chứ không còn lí thuyết viễn vông nữa

=> Một gia đình đại bất hiếu.

##### \* Niềm vui của những thành viên trong gia đình:

- Cổ Hồng (con trai cả): sướng điên lên vì lần đầu tiên được diễn trò già yếu trước mọi người cụ mơ màng nghĩ mình được mặc áo xô gai, lụ khụ ho khạc máu "úi kìa con giai nhớn đã già thế kia kìa"  
→ điển hình cho loại người háo danh.
- Ông Văn Minh (cháu nội): thích thú vì cái chúc thư kia đã đi vào thời kì thực hành chứ không còn trên lý thuyết viễn vông nữa  
→ Bất hiếu, đầy dã tâm.
- Bà Văn Minh (cháu dâu): mừng rỡ vì được lăng xê những mốt y phục táo tợn nhất.  
→ Thực dụng, thiếu tình người.



- Cô Tuyết: Được dịp mặc y phục *ngây thơ* để chứng tỏ mình hãy còn trinh tiết nhưng đau khổ như kim châm vào lòng “không thấy bạn giai đâu cả”  
→ Hư hỏng, lẳng lơ.
- Cậu Tú Tân: sướng điên người lên vì được dịp sử dụng cái máy ảnh đã lâu không có dịp dùng đến  
→ Niềm vui của con trẻ kém hiểu biết.
- Ông Phán: Sung sướng vì không ngờ rằng *cái sùng* trên đầu mình lại có giá trị.  
→ Là người không có nhân cách, vô liêm sỉ.
- Xuân tóc đỏ: Hạnh phúc đặc biệt vì nhờ hấn mà cụ Tổ chết, danh giá uy tín lại càng to hơn.

**\* Niềm vui của những người ngoài gia đình:**

- Hai vị cảnh sát Min Đơ và Min Toa “sung sướng cực điểm” vì đang thất nghiệp được thuê dẹp trật tự cho đám đông.
- Bạn bè cụ cố Hồng: Có dịp phô trương đủ thứ huân, huy chương, các kiểu quần áo, đầu tóc, râu ria...
- Đám phụ nữ quý phái, đám trai thanh gái lịch: Có dịp tụ tập để khoe khoang, hợ hờ nhau, chim chuột nhau, bình phẩm nhau, chê bai nhau...  
→ Mọi người dù chủ hay khách đều vui vẻ, hạnh phúc trước cái chết của cụ cố Tổ. Đó chính là sự suy đồi về đạo lý, sự tha hoá về nhân cách con người.

=> Tác giả khai thác những yếu tố mâu thuẫn để gây cười, cái cười phê phán đầy mỉa mai châm biếm về một xã hội thực dân thu nhỏ với tất cả sự đồi bại, xuống dốc của đạo lý và nhân cách con người, đó là lời tố cáo của tác giả đối với xã hội Âu hoá rôm.

**c. Cảnh đám ma gương mẫu**

- Bề ngoài thật long trọng, “gương mẫu” nhưng thực chất chẳng khác gì đám rước nhố nhăng: đám ma to tát, đi đến đâu làm huyền não đến đấy. Có sự phối hợp cả Ta - Tàu - Tây, mọi người thi nhau chụp ảnh như hội chợ, tràn ngập vòng hoa, câu đối, đầy đủ các loại mốt quần áo, râu ria...
- Mọi người không ai đi đưa tang mà đang mãi trò chuyện về nhà cửa, vợ chồng, con cái, tất cả đang mãi bình phẩm, chê bai lẫn nhau, tình tự, chim chuột, hợ hờ nhau bằng cái vẻ mặt buồn buồn lẳng mạn rất đúng mốt.

=> Sự giả tạo, đóng kịch của giới tri thức rôm, đạo đức suy đồi của nền văn minh Âu hóa rôm

**\* Cảnh hạ huyết**

Cậu Tú Tân yêu cầu mọi người tạo dáng để chụp ảnh, con cháu tự nguyện trở thành những diễn viên đại tài: Cụ Cố Hồng ho khạc, meo máo và ngất đi.

Đặc biệt là “màn kịch siêu hạng” của ông Phán mọc sừng cứ oặt người đi khóc to bằng những âm thanh lạ: Hút!...Hút!...Hút!...

=> Đám tang diễn ra như một tấn đại hài kịch. Nó nói lên tất cả sự lố lăng vô đạo đức của cái xã hội thượng lưu ngày trước. Cái xã hội mà tác giả gọi là *Chó đốm, khốn nạn*.

**2. Đặc sắc nghệ thuật**

- Nghệ thuật tạo tình huống cơ bản rồi mở ra những tình huống khác.
- Phát hiện những chi tiết đối lập gay gắt cùng tồn tại trong một con người, sự vật, sự việc.
- Thủ pháp cường điệu, nói ngược, nói mỉa,... được sử dụng một cách linh hoạt.
- Miêu tả biến hóa, linh hoạt và sắc sảo đến từng chi tiết, nói trúng nét riêng của từng nhân vật.

**3. Ý nghĩa văn bản**

Đoạn trích “Hạnh phúc của một tang gia” là một bi hài kịch, phơi bày bản chất nhố nhăng, đồi bại của một gia đình đồng thời phản ánh bộ mặt thật của xã hội thượng lưu thành thị trước Cách mạng tháng Tám.

**III. Tổng kết** Ghi nhớ: SGK.